TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG – TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HSST.

Ngày: 07/9/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vi Thị Tỵ
2. Ông Trần Khánh.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Phạm Thị Tố Uyên – Thư ký TAND huyện Kbang.

- **Đ diện VKSND huyện Kbang tham gia phiên toà**: Ông Vũ Hữu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2018, tại Hội trường xét xử, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/HS-ST ngày 16/7/2018 đối với các bị cáo:

1-Trần Văn Đ – tên gọi khác: **Diện**, sinh năm 1985 tại: An Khê, Gia Lai; Nơi thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Trần Văn Sáng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết; vợ là Võ Thị Cảnh, có 01 con sinh năm 2014.

Bị cáo bị bắt từ ngày 11/4/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2-Trịnh Duy H1 – tên gọi khác: **Cu**, sinh ngày 14/3/1988 tại: An Khê, Gia Lai; Nơi thường trú: Thôn 1, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Trịnh Quang Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng; vợ là Nguyễn Thị Lệ Quyên, có 01 con sinh năm 2016.

Bị cáo bị bắt từ ngày 02/4/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3-Trương Văn H, sinh năm 1996 tại: Quỳnh H, Nghệ An; Nơi thường trú: Thôn a, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Thổ. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Trương Công C và bà Nguyễn Thị H.

Bị cáo bị bắt từ ngày 02/4/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã Cư A, huyện Đăk P, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Lê Thanh T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 12, phường Tây S, thị xã An K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 02/4/2018, Trịnh Duy H1 nhận được điện thoại của Nguyễn Thanh L mời đến vườn trồng dưa tại khu vực Suối Lơ, Tơ Tung nhậu và do trước đó H1 đã tìm hiểu biết được vườn dưa hấu của ông Nguyễn Ngọc L1 tại khu vực Làng KLếch, xã Tơ Tung gần rẫy Nguyễn Thanh L sắp thu hoạch; H1 điện thoại cho Trương Văn H là vào vườn dưa hấu của L nhậu và xem tình hình thu hoạch tại vườn dưa hấu của ông Ba L1 gần đó để cắt lấy hai giá tiền từ người mua dưa (200đ/01kg); H đồng ý. H đã nhờ Lê Quang S chở đến rẫy dưa của Nguyễn Thanh L và chở đến rẫy dưa của ông Nguyễn Ngọc L1. Khi H đến vườn dưa ông Ba L1 thấy có nhiều người đang xếp dưa lên 02 xe ô tô tải, H nói S đứng ngoài đường chờ rồi một mình đi vào gặp ông L1 hỏi về việc mua bán dưa hấu tại rẫy, lúc này ông L1 cho biết đã ký hợp đồng bán dưa với anh Nguyễn Quang H3 trú tại: thôn An S, Cư An, Đăk Pơ. Nghe vậy, H gọi điện thông báo cho Trần Văn Đ biết là H3 ở Đăk Pơ đã ký hợp đồng mua dưa ở rẫy ông Ba L1 và đang thu dưa ở đây rồi. Đ nói với H *"ai vô đây cũng vậy em điện cho H3 nói nó đưa hai đồng"*. H điện thoại liên lạc với anh H3 nói nội dung: Đám dưa Ba L1 anh mua à? anh có biết luật ở trong đây hay không; anh H3 trả lời: Tôi chỉ ký hợp đồng thay mẹ tôi thôi chứ tôi không có mua. H nói tiếp: Đám dưa này em định ký mua mà anh mua rồi có gì cho bọn em ít đồng, H3 nói: *"Tôi không mua nên không biết, muốn gì thì hỏi mẹ tôi"*. H nói cho xin số điện thoại bà S; anh H3 sợ nên đã gửi số điện thoại của mẹ mình là bà Nguyễn Thị S qua tin nhắn cho H. Sau đó, H điện thoại liên lạc với Đ thông báo cho Đ biết H3 không đồng ý và nói chỉ ký dùm hợp đồng mua dưa của ông Ba L1 cho mẹ H3 là bà S. Lúc này, Đ nói: *"mày nhắn số qua để tao xử lý";* mục đích là Đ sẽ trực tiếp điện thoại cho anh H3 và bà S. H nhắn tin số của anh H3, bà S cho Đ. Xong H tiếp tục liên lạc điện thoại với bà S yêu cầu bà phải đến rẫy dưa làm "luật"; bà S nhận thức được việc gặp các đối tượng sẽ nguy hiểm đến tính mạng và tài sản nên viện lý do đang chờ rút tiền bên ngân hàng trả tiền dưa chưa qua được rồi tắt máy. Đ đã sử dụng điện thoại liên lạc với bà S giới thiệu tên và nói với bà S: *"Cô vào Kbang mua dưa thì cho mấy đồng uống nước"*, bà S chấp nhận chi nửa giá (tức là 50đ/1kg) nhưng Đ không đồng ý và hằn giọng đe dọa: "*Cô cho thì đáng cho chứ đưa con năm hào không đủ tiền uống cà phê*", rồi tắt máy điện thoại.

H, Đ cũng liên lạc với Trịnh Duy H1, sau đó H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81H1-003.35 đi vào nhà rẫy L. H1 tiếp tục ngồi nhậu tại nhà rẫy L, H

đến ngồi ở gần rẫy ông L1 nhằm mục đích canh chừng không để xe vận chuyển dưa của bà S đi, chờ bà S vào lấy tiền. Một lúc sau, H1 cũng đi xe mô tô tới chỗ H và canh chừng xe chở dưa và liên tục gọi điện thoại cho bà S nhưng do quá sợ hãi nên bà S không dám nghe máy. Khoảng 14 giờ Đ hỏi H là việc bà S đã vào và xe bốc dưa xong chưa? Đã đưa tiền chưa? Sau đó Đ nói với H: *"Em làm sao thì làm, xe lăn bánh thì bà S phải có mặt ở đấy"*; với mục đích giữ xe tải chở dưa ép bà S vào chi tiền mới cho xe chở dưa đi. H đồng ý và nói: Em biết cách rồi. Đ nói H1 em với H cứ làm đi.

H và H1 đồng ý và đi đến bụi le cách khu vực vườn dưa ông Ba L1 khoảng 100m canh chừng xe tải bốc dưa. Khi phát hiện tài xế Lê Thanh T cùng anh Nguyễn Tấn T lên xe ô tô tải chở dưa biển kiểm soát 81C- 142.70 nổ máy di chuyển ra hướng đường đất nội đồng thì H đến chặn trước đầu xe hét lớn: *"Tắt máy, dừng xe lại"*. H1 cũng lái xe mô tô 81H1-003.35 dừng trước đầu xe tải ngăn không cho xe tải chở dưa đi khỏi rẫy ông L1. Nhìn thấy thái độ hung tợn của hai đối tượng và do xe bị cản đường nên anh T sợ hãi buộc phải dừng xe theo yêu cầu của chúng. H lại gần T tiếp tục đe dọa: Tắt máy xe đi, chờ bà S vô đây nói chuyện xong mới được đi. Lo sợ nguy hiểm đến tính mạng, tài sản của bản thân nên T đã tắt máy xe ô tô, đồng thời điện báo cho anh H3, bà S việc các đối tượng chặn xe dưa. H tiếp tục gọi điện thoại cho bà S yêu cầu bà S đưa cho số tiền 200đ/1kg, trên tổng lượng dưa mua của ông L1 là 29.000kg (29 tấn) tương đương với 5.800.000 đồng thì mới cho xe đi; Lúc này bà S thấy có sự đe dọa nguy hiểm đến tính mạng và tài sản của bản thân, đồng thời số dưa đã mua sẽ bị vận chuyển chậm trễ và hư hỏng và vi phạm hợp đồng vận chuyển đã ký kết nên bà S buộc phải miễn cưỡng chấp nhận sẽ chi cho các bị cáo 100đ/kg tương đương với số tiền là 2.900.000 đồng; cùng lúc này bà S đã báo cáo vụ việc đến Công an huyện Kbang về hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo đối với Bà. Ngay khi nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang đã triển khai lực lượng xuống hiện trường bắt quả tang, tạm giữ Trịnh Duy H1 và Trương Văn H cùng tang vật, phương tiện, công cụ mà H1, H sử dụng trong quá trình gây án.

Tại Bản cáo trạng số: 18/CTr-VKS ngày 16/7/2018, VKSND huyện Kbang đã truy tố Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H về tội "*cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, Đ diện VKSND huyện Kbang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H phạm tội "*cưỡng đoạt tài sản"* .

Đồng thời đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 38; Điều 58; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H.

Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trần Văn Đ từ 13 đến 15 tháng tù giam.

Bị cáo Trịnh Duy H1 từ 12 đến 14 tháng tù giam.

Bị cáo Trương Văn H từ 12 đến 14 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô mang BKS 81H1-003.35 bị cáo H1 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định đây là xe của anh Nguyễn Chí L, việc bị cáo sử dụng xe thực hiện tội phạm anh L không biết, cơ quan CSĐT xử lý trả lại cho anh L là đúng quy định nên không đề cập tới.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Tuyên trả lại cho bị cáo Trương Văn H 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh xám có số thuê bao 0961579964.

Tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước đối với:

- 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, không có nắp lưng, Imel 1: 301014148393694, Imel 2:301014148393702 cùng hai sim có số thuê bao gồm: Sim 1: 01679508489, sim 2: 0968976179.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Sam Sung, màu đen, số Imel: 358310067836727/01, loại máy 01 sim, không gắn sim thuê bao, mặt kính máy bị bể.

- 01 (một) cái điện thoại di động màu trắng hiệu Nokia, Imel: 352841057123797 cùng 01 sim điện thoại có số thuê bao 0972551334.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imel 1: 866468034764292, số Imel 2: 866468034764282 cùng hai sim có số thuê bao gồm: Sim 1: 0981314133, sim 2: 01254935779.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo chưa nhận được tiền từ bà S và việc các bị cáo chặn xe làm cho một số Dưa bị hư hỏng gây thiệt hại cho bà S nhưng bà S tự khắc phục và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đề cập đến.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận gì với Đ diện Viện kiểm sát.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm quay về với gia đình, xã hội và trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kbang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào ngày 02/4/2018 Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H đã liên tục điện thoại nhằm uy hiếp tinh thần bà S (là người mua dưa) và có hành vi chặn xe vận chuyển dưa hấu do tài xế Lê Thanh T điều khiển là người vận chuyển thuê cho bà S nhằm buộc bà S phải đưa tiền cho các bị cáo với số tiền 100 đồng/01 kg dưa nhân với tổng sản lượng dưa hấu đã mua là 29.000kg (29 tấn) tương đương số tiền là 2.900.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

Trong vụ án này Trần Văn Đ là người chủ mưu, chỉ huy các bị cáo khác liên hệ với bà S và bị cáo cũng trực tiếp liên hệ, uy hiếp tinh thần bà S buộc bà S miễn cưỡng đồng ý sẽ chi cho các bị cáo số tiền 2.900.000 đồng. Cụ thể:

Vào sáng ngày 02/4/2018 Khi nghe H báo anh H3 là người mua dưa thì Đ nói với H *"ai vô đây cũng vậy em điện cho H3 nói nó đưa hai đồng"*. Khi biết bà S là người trực tiếp mua dưa, Đ nói với H:*"mày nhắn số qua để tao xử lý"*. Đ đã sử dụng điện thoại liên lạc với bà S giới thiệu tên và nói với bà S: *"Cô vào Kbang mua dưa thì cho mấy đồng uống nước"* làm bà S hoảng sợ buộc chấp nhận chi nửa giá (tức là 50đ/1kg) nhưng Đ không đồng ý và hằn giọng đe dọa: "*Cô cho thì đáng cho chứ đưa con năm hào không đủ tiền uống cà phê*". Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ hỏi H để kiểm tra việc bà S đã bốc dưa và đưa tiền chưa và nói với H: *"Em làm sao thì làm, xe lăn bánh thì bà S phải có mặt ở đấy"*. Bị cáo đã gọi điện điều khiển các bị cáo H1 và H giữ xe tải chở dưa, ép bà S vào chi tiền mới cho xe chở dưa đi.

Đối với bị cáo Trịnh Duy H1 và Trương Văn H là những đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, làm theo sự điều khiển của Đ để chặn xe và uy hiếp tinh thần tài xế xe ô tô chở dưa cũng như bà S, thể hiện ở hành vi:

Vào sáng ngày 02/4/2018, H1 điện thoại cho H vào vườn dưa hấu của L nhậu và xem tình hình thu hoạch tại vườn dưa hấu của ông Ba L1 gần đó để cắt lấy hai giá tiền từ người mua dưa. Khi biết được ông L1 đã ký hợp đồng bán dưa với anh H3, H gọi điện thông báo cho Đ biết. H đã chủ động liên lạc với anh H3 xin giá dưa, khi biết anh H3 chỉ thay bà S ký hợp đồng thì H đã báo cho Đ để Đ trực tiếp liên hệ. H nhắn tin số của anh H3, bà S cho Đ và H đã trực tiếp liên lạc điện thoại với bà S yêu cầu bà phải đến rẫy dưa làm "luật" làm bà S hoảng sợ.

H1 và H theo sự chỉ đạo của Đ đã đến gần rẫy ông L1 canh chừng không để xe vận chuyển dưa của bà S đi, chờ bà S vào lấy tiền. H1 đã liên tục gọi điện thoại cho bà S nhưng do quá sợ hãi nên bà S không dám nghe máy. Khi phát hiện tài xế Lê Thanh T điều khiển xe chở dưa đi, H chặn trước đầu xe hét lớn: *"Tắt máy, dừng xe lại"*. H1 cũng chặn xe máy trước đầu xe tải ngăn không cho xe tải chở dưa đi khỏi rẫy ông L1. Khi anh T dừng xe, H lại tiếp tục đe dọa: *Tắt máy xe đi, chờ bà S vô nói chuyện xong mới được đi*. H tiếp tục gọi điện thoại cho bà S yêu cầu bà S đưa cho số tiền 200đ/1kg nhân với tổng lượng dưa mua của ông L1 là 29.000kg (29 tấn), tương đương với số tiền là 5.800.000đồng thì mới cho xe đi làm bà S hoảng sợ, thấy có sự đe dọa nguy hiểm đến tính mạng và tài sản của bản thân, đồng thời số dưa đã mua sẽ bị vận chuyển chậm trễ và hư hỏng và vi phạm hợp đồng vận chuyển đã ký kết nên bà S buộc phải miễn cưỡng chấp nhận chi cho các bị cáo 100đ/kg, tương đương với số tiền là 2.900.000 đồng.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H đều có nhân thân xấu, cụ thể:

- Bị cáo Trần Văn Đ:

Năm 1997 bị cáo nhiều lần trộm cắp vặt nên bị đưa vào trường giáo dưỡng tại Đà Nẵng với thời hạn 24 tháng, đến tháng 10 năm 1999 được nhà trường trả về sinh sống tại địa phương. Đến tháng 01/2002 tiếp tục trộm cắp tài sản bị xử phạt hành chính.

Ngày 08/5/2002 bị Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội *"trộm cắp tài sản"* theo bản án số 11/HS-ST.

Ngày 10/02/2003 bị Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù giam về tội *"trộm cắp tài sản"* theo bản án số 03/HS- ST.

Ngày 26/8/2003 bị Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù giam về tội *"trốn khỏi nơi giam"* theo bản án số 125/HS-ST, tổng hợp hình phạt với bản án số 03/HS-ST ngày 10/02/2003 là 05 năm tù giam. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên ngày 20/11/2003 Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội *"trốn khỏi nơi giam"*. Tổng hợp hình phạt với bản án số 03/HSST ngày 10/02/2003 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm tù.

Ngày 28/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 26 tháng tù giam về tội *"trộm cắp tài sản"* theo bản án số 15/2009/HSST.

Ngày 23/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù giam về tội *"cố ý làm hư hỏng tài sản"* theo bản án số 05/2012/HSST.

Bị cáo đã chấp hành xong các bản án trên và đã được xóa án tích, đến ngày 02/4/2018 bị cáo thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị S.

- Bị cáo Trịnh Duy H1: Ngày 14/01/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội *"cố ý gây thương tích"* theo bản án số 13/2009/HSST; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đã rút toàn bộ đơn kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong bản án trên và đã được xóa án tích, đến ngày 02/4/2018 bị cáo thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị S.

- Bị cáo Trương Văn H: Ngày 02/4/2018 bị cáo thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị S. Ngày 24/5/2018 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác với hình thức phạt chính là phạt tiền với số tiền 2.500.000 đồng, ngày 28/5/2018 bị cáo đã chấp hành nộp phạt.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại đã có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà HĐXX xem xét áp dụng đối với các bị cáo.

Qua ý kiến luận tội của Đ diện VKS đã đề nghị hướng xử lý vụ án. Sau khi xem xét nhân thân của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H là người đã thành niên có đầy đủ năng lực và sức khỏe để nhận thức hành vi uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, tham lam, tư lợi muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nói ở trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù giam nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra ngoài cộng đồng xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện và nâng cao hiệu quả phòng ngừa chung.

Liên quan trong vụ án còn có Lê Quang S là người được Trương Văn H chở đến rẫy dưa của ông L1. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định S không cùng bàn bạc và không biết hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, tại phiên tòa HĐXX xem xét S với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

Ngoài ra, quá trình điều tra các bị cáo còn khai báo vào khoảng giữa tháng 3/2018, các bị cáo cùng với Trịnh Duy H3 đã bàn bạc đi tìm kiếm vườn dưa sắp thu hoạch trên địa bàn xã Tơ Tung rồi làm trung gian liên hệ dẫn các thương lái đến ký hợp đồng với chủ trồng dưa; sau khi thương lái và chủ vườn dưa giao dịch mua bán thống nhất thì nhóm Đ, H, H1, Hiếu sẽ được hưởng số tiền 200đ/1kg trên tổng sản lượng dưa mà thương lái thu mua được. Kết quả, cả nhóm đã dẫn mối mua dưa hấu trót lọt cho một thương lái tên Cu Ba (chưa rõ nhân thân lai lịch) vào xã Tơ Tung mua 02 đám dưa và được anh Cu Ba trích cho số tiền dẫn mối thu mua dưa là 10.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm xảy ra vụ án này, H3 không tham gia nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H3 là đúng quy định. Do đó, trong vụ án này HĐXX xem xét H3 với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

Đối với người mua dưa có tên là Cu Ba cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng đến nay vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này để làm rõ có xảy ra việc cưỡng đoạt tài sản hay không. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang đã tách nội dung này để tiếp tục điều tra; khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau là đúng quy định. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô mang BKS 81H1-003.35 bị cáo H1 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là xe của anh Nguyễn Chí L, việc bị cáo H1 sử dụng xe thực hiện tội phạm anh L không biết, cơ quan CSĐT xử lý trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

Đối với 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh xám có số thuê bao 0961579964 là điện thoại của bị cáo H, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo H không sử dụng điện thoại trên để liên lạc thực hiện tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo H.

Những vật chứng sau đều là điện thoại của các bị cáo sử dụng để làm phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, không có nắp lưng, Imel 1: 301014148393694, Imel 2:301014148393702 cùng hai sim có số thuê bao gồm: Sim 1: 01679508489, sim 2: 0968976179.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Sam Sung, màu đen, số Imel: 358310067836727/01, loại máy 01 sim, không gắn sim thuê bao, mặt kính máy bị bể.

- 01 (một) cái điện thoại di động màu trắng hiệu Nokia, Imel: 352841057123797 cùng 01 sim điện thoại có số thuê bao 0972551334.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imel 1: 866468034764292, số Imel 2: 866468034764282 cùng hai sim có số thuê bao gồm: Sim 1: 0981314133, sim 2: 01254935779.

Về trách nhiệm dân sự: Việc các bị cáo chặn xe làm cho một số Dưa bị hư hỏng nhưng người bị hại là bà S không yêu cầu các bị cáo bồi thường và tự khắc phục nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H, phạm tội*: **"cưỡng đoạt tài sản"**.*

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 38, Điều 58; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ 13** *(mười ba)* **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt *(ngày 11/4/2018).*

Xử phạt bị cáo **Trịnh Duy H1 12** *(mười hai)* **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt *(ngày 02/4/2018).*

Xử phạt bị cáo **Trương Văn H 12** *(mười hai)* **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt *(ngày 02/4/2018).*

- **Về xử lý vật chứng**: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước đối với:

- 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, không có nắp lưng, Imel 1: 301014148393694, Imel 2:301014148393702 cùng hai sim có số thuê bao gồm: Sim 1: 01679508489, sim 2: 0968976179.

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Sam Sung, màu đen, số Imel: 358310067836727/01, loại máy 01 sim, không gắn sim thuê bao, mặt kính máy bị bể.

- 01 (một) cái điện thoại di động màu trắng hiệu Nokia, Imel: 352841057123797 cùng 01 sim điện thoại có số thuê bao 0972551334.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số Imel 1: 866468034764292, số Imel 2: 866468034764282 cùng hai sim có số thuê bao gồm: Sim 1: 0981314133, sim 2: 01254935779.

Tuyên trả lại cho bị cáo H 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh xám có số thuê bao 0961579964.

(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/7/2018 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Văn Đ, Trịnh Duy H1 và Trương Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện.
-Cơ quan CSĐT công an huyện.
-Các bị cáo.
- Người bị hại.
-Chi cục THADS huyện.
(Khi án có HLPL).
-Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**